

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22818501] - Thực tập lắp đặt tủ
điều khiển (CCQ2314A)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

[Handwritten signatures and names of examiners]
H.H.Nam H.H.Nam

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A	1	Bảo	6	6,5	6,3
2	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A	1	—	0	0	0
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A	1	Chi	8,2	8	8,1
4	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A	1	Của	8,1	8	8,0
5	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A	0	—	0	0	0
6	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A	1	Đức	7,6	6,3	6,8
7	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A	1	Đức	7,2	8	7,7
8	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A	0	—	0	0	0
9	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A	1	ĐD	8,3	8	8,1
10	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A	1	Giang	6,2	6,2	6,2
11	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A	1	Vas	6	0	2,4
12	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	1	Hành	7,3	6,5	6,8
13	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A	1	Hợp	7,4	7,0	7,2
14	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A	1	Huy	7,2	6,5	6,8
15	2123140015	Lê Văn	Huy	09/01/2005	CCQ2314A	0	—	0	0	0
16	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A	1	Khánh	8	8	8,0
17	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A	1	Lợi	7,3	8	7,7
18	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A	1	Luân	7,6	6,5	6,9
19	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A	1	Luân	8,2	6,3	7,1
20	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A	1	Lượng	7	6,5	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22818504] - Thực tập lắp đặt tủ
điều khiển (CCQ2314A)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Nguyễn Việt Khoa

Nguyễn Việt Khoa

Nguyễn Việt Khoa

Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140049	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B	Hoàng	8,1	8,8	8,5
2	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A	Phúc	8,7	8,3	8,4
3	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A	Quân	6,8	7,8	7,4
4	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A	Tây	8,2	9,0	8,7
5	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	CCQ2314C	Phước	9,2	9,0	9,1
6	2123140017	Trần Hữu	Trí	19/12/2005	CCQ2314A	Trí	8,1	7,8	7,9
7	2123140117	Phan Thành	Trung	05/09/2005	CCQ2314C	Trung	6,7	7,0	6,9
8	2123140072	Đoàn Nhật	Trường	16/11/2005	CCQ2314B	Trường	6,8	7,3	7,1
9	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A	Truyền	8,9	9,3	9,1
10	2123140061	Lưu Đỗ Tấn	Tú	30/07/2005	CCQ2314B				
11	2123140099	Doãn Ngọc	Tuấn	10/11/2005	CCQ2314C	Doãn	7,7	7,0	7,3
12	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	28/07/2005	CCQ2314C	Tuấn	8,9	9,0	9,0
13	2123140090	Hoàng Minh	Tuệ	23/01/2005	CCQ2314C				
14	2123140075	Cai Văn	Vinh	29/07/2005	CCQ2314C	Vinh	7,7	7,3	7,4
15	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A	Quang	6,7	6,8	6,7
16	2123140097	Nguyễn Hoài	Vinh	12/01/2005	CCQ2314C	Vinh	6,9	7,8	7,4
17	2123140111	Tô Văn	Vũ	30/12/2005	CCQ2314C				
18	2123140057	Nguyễn Tấn	Vương	23/08/2005	CCQ2314B	Tấn	7,2	6,8	6,9
19	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C	Thảo	7,8	8,0	7,9
20	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A	Phước	8,7	8,8	8,7